

Bản án số: 02/2021/HC - ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2021
“Khởi kiện quyết định hành chính”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Ái

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung và bà Bùi Thị Thu Hằng

Thư ký Tòa án: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 05/2020/TLST-HC ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐST-HC ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Sái Văn T, sinh năm 1962; nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; người đại diện theo pháp luật: Ông Sái Văn N – Chủ tịch UBND xã Đ; địa chỉ: xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị H, sinh năm 1962; nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Sái Văn T và Bà Phùng Thị H: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Số xx đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2020 và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Vợ chồng ông Sái Văn T và Bà Phùng Thị H là chủ sở hữu hợp pháp đối với quyền sử dụng diện tích 566 m² đất ở Xóm C, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất là do UBND xã cấp cho gia đình ông T từ năm 1983. Năm 2003 ông T chuyển nhượng 210 m² đất cho bà Lan ở khu phố Đ, phường T, thành phố V. Năm 2004 ông T tiếp tục chuyển nhượng cho 02 người khác mỗi người 110 m². Khi

thực hiện chuyển nhượng cán bộ địa chính lúc đó là ông Phạm Văn B có thông báo với ông T bà H là để lại một phần diện tích khoảng 3m có quy hoạch làm đường từ đường liên thôn qua đất của ông T kéo dài xuống đất nhà bà H2 được thể hiện trên bản đồ 299 đo vẽ năm 1984. Khi gia đình ông T đề nghị được xem bản đồ quy hoạch làm đường bộ thì cán bộ địa chính xã lại thông báo rằng trả lại phần diện tích đất đó cho gia đình ông. Sau khi chuyển nhượng, diện tích đất còn lại của ông T, bà H còn lại là 126 m² thuộc thửa đất số 593, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất tại thôn Chùa, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc và đã được UBND thành phố Vĩnh Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/9/2005 đứng tên ông Sái Văn T. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay gia đình ông T vẫn sử dụng ổn định không tranh chấp với ai, phần diện tích 03m cho rằng quy hoạch làm đường cho đến nay chưa có đơn vị nào triển khai thực hiện.

Năm 2019 ông T dựng 01 lán tạm lợp mái tôn, diện tích khoảng 60 m² trên phần diện tích 3m cho rằng làm quy hoạch đường bộ. Ngày 06/3/2020 cán bộ UBND xã Đ đã lập biên bản vi phạm hành chính với lý do ông T dựng rạp, lều, quán, công ra vào, tường rào các loại, công trình khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ. Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính ngày 06/3/2020 Chủ tịch UBND xã Đ đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ – XPVPHC, xử phạt ông T số tiền 2.500.000đ và buộc ông T trong thời hạn 10 ngày phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép và khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra. Việc chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ – XPVPHC là không có cơ sở và trái quy định của pháp luật vì các lý do sau:

Theo quy định tại khoản 7 Điều 49 Luật đất đai năm 2013 quy định về thực hiện kế hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì “ Trường hợp quy hoạch sử dụng đất đã được công bố mà chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thì người sử dụng đất theo quy định của pháp luật...” đồng thời khoản 8 Điều 49 Luật đất đai năm 2013 quy định: Diện tích ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được công bố phải thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất và sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi hoặc chuyển mục đích đối với phần diện tích ghi trong kế hoạch sử dụng đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất không điều chỉnh hủy bỏ thì người sử dụng đất không bị hạn chế quyền theo quy định tại khoản 7 điều này.

Như vậy việc Chủ tịch UBND xã Đ cho rằng gia đình ông T xây dựng trên phần đất đường bộ căn cứ vào quy hoạch không còn phù hợp để xử phạt vi phạm hành chính với ông T là trái quy định của pháp luật.

Nay ông T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên tuyên hủy quyết định hành chính số 57/QĐ – XPVPHC ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND xã Đ về xử phạt vi phạm hành chính và tuyên hủy Biên bản vi phạm hành chính do Công chức Địa chính – Xây dựng xã Định Trung lập ngày 06/3/2020.

Đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Sái Văn N trình bày:

Ngày 31/12/2019, Tổ công tác UBND xã tiến hành kiểm tra, phát hiện tại thửa đất số 593, tờ bản đồ 15 thuộc thôn Chùa, xã Định Trung, hộ gia đình ông Sái Văn T xây dựng móng tường bằng gạch chỉ đồ cao 3m ra đường đi chung của thôn Chùa. Qua xác minh hồ sơ quản lý đất đai của địa phương thì phần diện tích mà hộ gia đình ông T đang xây dựng đã lấn, chiếm phần diện tích ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đường đi chung của khu dân cư.

Tổ công tác tiến hành lập biên bản làm việc yêu cầu gia đình ông T tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm và trả lại hiện trạng ban đầu của con đường xong trước ngày 02/01/2020. Tuy nhiên đến ngày 27/02/2020 gia đình ông Sái Văn T tiếp tục xây dựng thành ngôi nhà cấp 4 lợp mái tôn có diện tích khoảng 60m², Tổ công tác đã liên hệ qua điện thoại cho ông T về phối hợp làm việc, nhưng ông T lý do vắng mặt ở địa phương nên không về làm việc, vì vậy Tổ công tác yêu cầu gia đình ông T tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm xong trước ngày 29/02/2020. Ngày 05/3/2020, UBND xã ban hành giấy mời số 09/GM-UBND đến ông T, mời ra UBND xã để giải quyết việc xử lý công trình vi phạm nhưng ông T không đến làm việc.

Ngày 06/3/2020, UBND xã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với ông Sái Văn T, đã có hành vi vi phạm hành chính: Dựng công trình khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ, vi phạm quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 12 nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Ngày 06/3/2020, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPVPHC đối với ông Sái Văn T với số tiền là 2.500.000đ; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Sái Văn T phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

Ngày 09/3/2020, UBND xã Đ đã tổng đạt Biên bản vi phạm hành chính 06/BB-VPHC ngày 06/3/2020 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPVPHC ngày 06/3/2020 đến ông Sái Văn T, tuy nhiên ông T nhận biên bản vi phạm hành chính và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng không ký vào biên bản giao nhận.

Nay ông Sái Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên tuyên Quyết định số 57/QĐ-XPVPHC ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND xã Đ và Biên bản vi phạm hành chính do Công chức Địa chính – Xây dựng xã Định Trung lập ngày 06/3/2020 là trái pháp luật và hủy bỏ Quyết định, cùng biên bản nêu trên quan điểm của ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sái Văn T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất với ý kiến của người khởi kiện, không bổ sung thêm ý kiến nào khác.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành đối thoại giữa người khởi kiện và người bị kiện nhưng các bên không thống nhất được nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu và có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31; Điều 60, Điều 116, Điều 348, Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính 2015; Luật Đất đai năm 2013; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bác đơn yêu cầu khởi kiện người khởi kiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện và Thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện:

Ngày 06/3/2020, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPVPHC đối với ông Sái Văn T do có hành vi xây dựng trái phép công trình trên đất dành cho giao thông với số tiền là 2.500.000đ, đồng thời yêu cầu ông phải tự tháo dỡ công trình xây dựng trái phép khôi phục lại tình trạng ban đầu. Xét thấy Quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND xã Đ là Quyết định hành chính làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của ông T, nên ông T có quyền khởi kiện Quyết định trên. Căn cứ khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính 2015 quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND xã Đ thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

Đối với yêu cầu đề nghị tuyên bố biên bản vi phạm hành chính do Công chức Địa chính – Xây dựng xã Định Trung lập ngày 06/3/2020 là trái pháp luật: Xét thấy đây là biên bản xử lý vi phạm hành chính, là căn cứ để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các đương sự nên đây không phải là Quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng Hành chính 2015, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của ông T.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do đối tượng khởi kiện là Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 06/3/2020 Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định số 57/QĐ-XPVPHC về việc Xử phạt vi phạm

hành chính đối với ông Sái Văn T do có hành vi vi phạm đất dành cho đường bộ, không đồng ý với Quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND xã Đ ngày 24/3/2020 ông T khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 115 và khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 thì ông T có quyền khởi kiện và yêu cầu của ông vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định.

[3] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành đối thoại để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên các bên không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nên việc đối thoại không thành.

[4] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Quyết định số 57/QĐ-XPVPHC ngày 06/3/2020 do Chủ tịch UBND xã Đ ban hành trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính về đất đai. Căn cứ Điều 208 Luật đất đai năm 2013, Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2017; Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ thì Chủ tịch UBND xã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng thẩm quyền.

[5] Về trình tự thủ tục ban hành quyết định: Sau khi phát hiện hành vi vi phạm căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính Chủ tịch UBND xã Đ ra quyết định xử phạt hành chính là đúng về trình tự thủ tục quy định tại Điều 57 và điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của ông Sái Văn T:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00395 ngày 19/10/1990 do UBND thị xã Vĩnh Yên (nay là thành phố Vĩnh Yên) cấp thì vợ chồng ông Sái Văn T và Bà Phùng Thị H được quyền sử dụng diện tích 448m² đất trong đó có 200 m² đất ở và 148 m² đất vườn, thuộc số thửa 593, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất ở thôn Chùa, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc không phải 566 m² đất như ông T trình bày. Năm 2003 ông T chuyển nhượng 210 m² đất cho bà Trần Thị Liên (nay là bà Lan đang sử dụng), đến năm năm 2004 ông T tiếp tục chuyển nhượng cho anh Lê Văn Thanh 110 m², diện tích còn lại của gia đình ông T sau khi chuyển nhượng là 126 m² hiện đã được UBND thành phố Vĩnh Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Khi chuyển nhượng đất cho các hộ trên ông T vẫn để lại lối đi có chiều rộng hơn 3m kéo dài từ đường liên thôn xuống đất của bà H2 là lối đi chung điều này hoàn toàn phù hợp với bản đồ 299 đo đạc năm 1987 và Hồ sơ quản lý đất đai hiện đang quản lý tại UBND xã Đ. Qua xác minh với chính quyền địa phương cũng như làm việc với các hộ dân liên kề đều thừa nhận phần diện tích đất này là lối đi chung có từ trước khi ông Sái Văn T xây dựng trái phép, do ít người đi năm 2002 ông T đã xây tường bịt lối đi chung và đến năm 2019 thì xây dựng công trình trái phép trên đất. Quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các hộ trên cán bộ địa chính là ông Phạm Văn B giải thích phần đất đó có quy hoạch để làm đường nên ông mới để lại, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Tòa án đã làm việc với ông Phạm Văn B tại biên bản làm việc ngày 27/8/2020 ông Bằng khẳng định không có việc ông giải thích như lời ông T trình bày, việc để lại phần đất này căn cứ vào bản đồ 299 thể hiện là lối đi điều này hoàn toàn phù hợp với hồ sơ quản lý đất đai của địa phương và phù hợp với thực tế sử dụng đất của các hộ liên kề, hơn nữa căn cứ để Chủ tịch UBND xã Đ ra

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57 ngày 06/3/2020 là do ông T xây dựng công trình trái phép trên đất dành cho giao thông chứ không phải căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất như người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày.

Như vậy việc ông T cho rằng ông xây dựng các công trình trên phần đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của gia đình ông là không có căn cứ, có đủ căn cứ chứng minh phần diện tích đất mà ông xây dựng là phần đất dành cho giao thông không phải là đất của gia đình ông T, việc ông xây dựng công trình trên phần đất này đã vi phạm Quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 12 nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Do đó việc Chủ tịch UBND xã Đ ra Quyết định xử phạt là có căn cứ, điều này đồng nghĩa với yêu cầu khởi kiện của ông Sái Văn T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của ông T đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa xác minh bổ sung chứng cứ làm rõ có hay không có quy hoạch làm đường đối với phần diện tích đất ông T xây dựng trái phép. Tòa án đã tiến hành xác minh tại phòng Tài nguyên Môi trường thành phố Vĩnh Yên, Phòng Quản lý Đô thị thành phố Vĩnh Yên cũng như làm việc với chính quyền địa phương nhưng các đơn vị đều khẳng định không có quy hoạch làm đường qua thửa đất của ông T.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định toàn bộ diện tích ông T xây dựng công trình trên diện tích là 104 m²; trong đó xây 01 nhà cấp IV có diện tích 29 m², diện tích sân phía trước có diện tích 14,4 m², diện tích vườn phía sau có diện tích 60,8 m² toàn bộ diện tích này thể hiện thuộc lối đi chung của các hộ liên kề, là đường giao thông nông thôn, do đó việc UBND xã Đ xử phạt vi phạm hành chính đồng thời buộc ông T tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để trả lại lối đi chung là có căn cứ.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPVPHC ngày 06/3/2020 do Chủ tịch UBND xã Đ ban hành đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung ban hành. Do đó yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy quyết định số 57/QĐ-XPVPHC ngày 06/3/2020 do Chủ tịch UBND xã Đ là không có cơ sở được chấp nhận. cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Sái Văn T là có căn cứ.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch UBND xã Đ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Sái Văn T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31; Điều 60, Điều 116, Điều 348, điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Luật Đất đai năm 2013; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2017; Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Sái Văn T đối với Chủ tịch UBND xã Đ, thành phố V về việc việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPVPHC ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND xã Đ.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Sái Văn T phải chịu 300.000đ được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí hành chính đã nộp theo biên lai số AA/2016/0006873 ngày 22/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Nhân dân tp Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Ái